

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Đồng Mực, huyện Vĩnh Lộc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 03/2022/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1249/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện khôi phục hồ sơ các hồ chứa nước lớn và vừa đã bàn giao cho các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 1251/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 về việc gia hạn thời gian thực hiện khôi phục hồ sơ các hồ chứa nước đã bàn giao cho các Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 1492/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 về việc chấp thuận điều chỉnh việc thực hiện khôi phục hồ sơ các hồ chứa nước theo các Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 12/4/2022, số 1251/QĐ-UBND ngày 29/3/2024;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 164/BC-SNNMT ngày 06/6/2025 và Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Sông Mã tại Tờ trình số 249/TTr-NSM ngày 28/5/2025 (kèm theo hồ sơ) về việc phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Đồng Mực, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đập, hồ chứa nước Đồng Mực, huyện Vĩnh Lộc, với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích: cấm mốc chỉ giới để xác định phạm vi bảo vệ công trình hồ

chứa nước Đồng Mực do Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã quản lý, nhằm chủ động trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

2. Phạm vi cấm mốc chỉ giới: toàn bộ các hạng mục công trình đầu mối và vùng lòng hồ.

3. Tổng số lượng mốc chỉ giới, gồm 24 mốc (từ mốc CTTL.01-CTTL.24), cụ thể:

- Phạm vi vùng phụ cận công trình đầu mối: là 50m tính từ chân đập, tràn trở ra được giới hạn trong phạm vi các mốc tọa độ từ CTTL.19 đến CTTL.24.

- Phạm vi vùng phụ cận lòng hồ: được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập (+24.75)m được giới hạn trong phạm vi các mốc tọa độ từ CTTL.01 đến CTTL.18 trở xuống phía lòng hồ.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

4. Quy cách mốc chỉ giới: cột mốc bằng bê tông cốt thép M200 đúc sẵn, chiều cao mốc 90 cm, mặt cắt ngang (15cm x 15cm); đế mốc bằng bê tông đổ tại chỗ M200, chiều sâu chôn mốc 40cm, mặt cắt ngang (40cm x 40cm); thân mốc nhô lên khỏi mặt đất tự nhiên 50cm.

5. Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong năm 2025.

6. Nguồn vốn thực hiện: từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh, nguồn vốn của Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã:

- Chủ trì, phối hợp với UBND huyện Vĩnh Lộc, UBND xã Vĩnh Hùng thực hiện việc cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Đồng Mực, huyện Vĩnh Lộc trên thực địa theo đúng phương án được phê duyệt.

- Bàn giao mốc giới cho UBND cấp xã nơi có hồ chứa để quản lý, bảo vệ theo quy định của pháp luật. Trường hợp phạm vi bảo vệ công trình bị lấn chiếm, sử dụng trái phép hoặc thực hiện các hoạt động khi chưa có giấy phép hoặc thực hiện không đúng nội dung của giấy phép được cấp thì phải kịp thời phát hiện, báo cáo và phối hợp với chính quyền địa phương để xử lý theo quy định.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có thay đổi so với phương án được phê duyệt, Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã phải có văn bản báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và chỉ được điều chỉnh, bổ sung sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Phương án này; kịp thời báo cáo, tham mưu đề xuất UBND tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Hùng, Chủ tịch và Giám đốc Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Sông Mã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Lưu: VT, NNMT, TTPVHCC .

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A stylized handwritten signature in blue ink, consisting of several loops and a long horizontal stroke at the bottom.

Lê Đức Giang

Phụ lục: Bảng tổng hợp các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Đồng Mục, huyện Vĩnh Lộc

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên mốc	Vị trí mốc (đơn vị hành chính cấp xã)	Tọa độ VN2000 Kinh tuyến trục 105°00 múi chiếu 3°		Cao độ mốc VN2000 (m)	Khoảng cách giữa hai mốc liền kề (m)	Đặc điểm địa hình	Ghi chú
			X	Y				
I	Mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ khu vực công trình đầu mối							
1	CTTL.19	Xã Vĩnh Hùng	2216742,316	570426,094	28,50	0,00	Đất trồng rừng sản xuất (đất do UBND xã Vĩnh Hùng quản lý)	Vai tả đập
2	CTTL.20	Xã Vĩnh Hùng	2216760,123	570328,094	17,92	99,61	Mép đường bê tông (đường giao thông nông thôn do UBND xã Vĩnh Hùng quản lý)	Hạ lưu chân đập
3	CTTL.21	Xã Vĩnh Hùng	2216843,283	570282,782	16,80	94,70	Đất bằng chưa sử dụng (đất do UBND xã Vĩnh Hùng quản lý)	Hạ lưu chân đập
4	CTTL.22	Xã Vĩnh Hùng	2216931,095	570234,937	19,10	100,00	Đất bằng chưa sử dụng (đất do UBND xã Vĩnh Hùng quản lý)	Hạ lưu chân đập
5	CTTL.23	Xã Vĩnh Hùng	2217018,905	570187,090	24,03	100,00	Đất bằng chưa sử dụng (đất do UBND xã Vĩnh Hùng quản lý)	Hạ lưu chân đập

TT	Tên mốc	Vị trí mốc (đơn vị hành chính cấp xã)	Tọa độ VN2000 Kinh tuyến trục 105°00 múi chiều 3°		Cao độ mốc VN2000 (m)	Khoảng cách giữa hai mốc liền kề (m)	Đặc điểm địa hình	Ghi chú
			X	Y				
6	CTTL.24	Xã Vĩnh Hùng	2217101,204	570233,432	26,50	94,45	Mép đường bê tông (đất UBND xã Vĩnh Hùng)	Vai hữu đập
II	Mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ khu vực lòng hồ							
1	CTTL.01	Xã Vĩnh Hùng	2217071,058	570303,724	24,75	0,00	Mép đường đất (đất UBND xã Vĩnh Hùng)	Theo đường biên cao trình đỉnh đập
2	CTTL.02	Xã Vĩnh Hùng	2217034,590	570408,362	24,75	110,81	Đất chưa sử dụng (đất UBND xã Vĩnh Hùng)	
3	CTTL.03	Xã Vĩnh Hùng	2217086,491	570409,938	24,75	51,93	Mép đường đất (đất UBND xã Vĩnh Hùng)	
4	CTTL.04	Xã Vĩnh Hùng	2217473,299	570640,670	24,75	450,40	Mép đường đất (đất UBND xã Vĩnh Hùng)	
5	CTTL.05	Xã Vĩnh Hùng	2217466,750	570681,125	24,75	25,28	Ranh giới thửa đất trồng lúa với đất chưa sử dụng (đất UBND xã Vĩnh Hùng)	

TT	Tên mốc	Vị trí mốc (đơn vị hành chính cấp xã)	Tọa độ VN2000 Kinh tuyến trục 105°00 múi chiều 3°		Cao độ mốc VN2000 (m)	Khoảng cách giữa hai mốc liền kề (m)	Đặc điểm địa hình	Ghi chú
			X	Y				
6	CTTL.06	Xã Vĩnh Hùng	2217496,465	570414,384	24,75	33,77	Ranh giới thửa đất trồng lúa với đất chưa sử dụng (đất UBND xã Vĩnh Hùng)	Theo đường biên cao trình đỉnh đập
7	CTTL.07	Xã Vĩnh Hùng	2217485,274	570706,575	24,75	27,80	Ranh giới thửa đất trồng lúa với đất chưa sử dụng (đất UBND xã Vĩnh Hùng)	
8	CTTL.08	Xã Vĩnh Hùng	2217503,822	570734,881	24,75	33,84	Ranh giới thửa đất trồng lúa với đất chưa sử dụng (đất UBND xã Vĩnh Hùng)	
9	CTTL.09	Xã Vĩnh Hùng	2217494,223	570768,842	24,75	35,29	Ranh giới thửa đất trồng lúa với đất chưa sử dụng (đất UBND xã Vĩnh Hùng)	
10	CTTL.10	Xã Vĩnh Hùng	2217580,379	570896,714	24,75	154,19	Ranh giới thửa đất trồng lúa với đất chưa sử dụng (đất UBND xã Vĩnh Hùng)	
11	CTTL.11	Xã Vĩnh Hùng	2217473,345	571027,017	24,75	168,63	Ranh giới thửa đất trồng lúa với đất chưa sử dụng (đất UBND xã Vĩnh Hùng)	
12	CTTL.12	Xã Vĩnh Hùng	2217436,488	571043,140	24,75	40,23	Ranh giới thửa đất trồng lúa với đất chưa sử dụng (đất UBND xã Vĩnh Hùng)	

TT	Tên mốc	Vị trí mốc (đơn vị hành chính cấp xã)	Tọa độ VN2000 Kinh tuyến trục 105°00 múi chiều 3°		Cao độ mốc VN2000 (m)	Khoảng cách giữa hai mốc liền kề (m)	Đặc điểm địa hình	Ghi chú
			X	Y				
13	CTTL.13	Xã Vĩnh Hùng	2217450,746	571067,954	24,75	28,62	Ranh giới đất rừng (đất Đất nhà ông Lê Đăng Út)	Theo đường biên cao trình đỉnh đập
14	CTTL.14	Xã Vĩnh Hùng	2217159,929	571212,992	24,75	324,98	Đất rừng nhà ông Lê Đăng Út	
15	CTTL.15	Xã Vĩnh Hùng	2217219,947	570888,438	24,75	330,06	Mép đường bê tông (đất UBND xã Vĩnh Hùng)	
16	CTTL.16	Xã Vĩnh Hùng	2217077,636	570726,246	24,75	215,77	Đất rừng nhà ông Nguyễn Văn Thanh	
17	CTTL.17	Xã Vĩnh Hùng	2216746,230	570657,344	24,75	338,49	Ranh giới đất rừng giữ nhà bà Bùi Thị Chanh và đất UBND xã	
18	CTTL.18	Xã Vĩnh Hùng	2216756,330	570504,598	24,75	153,08	Mép đường đất (đất UBND xã Vĩnh Hùng)	